| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2-GIA LAI**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 107/2026/HS-ST
Ngày: 20-8-2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Phương

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Bá Lương

Ông Nguyễn Đình Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Vân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Điện Ảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Vĩnh S**, tên gọi khác: Không, Sinh ngày 22/12/1991 tại xã T, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; CCCD số: 052091011343; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức H, sinh năm 1966 và bà: Phạm Thị C, sinh năm 1968; anh, chị, em ruột: Có 02 người; vợ: Đào Thị Thảo N, sinh năm 1997; con: Có 03 người, sinh năm: 2015, 2017, 2024; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 24/11/2025, chuyển tạm giam ngày 27/11/2025 tại Phân trại tạm giam An Nhơn cơ sở 2 - Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh G cho đến nay. "Bị cáo có mặt tại phiên tòa".

- *Bị hại:*

1. Anh Đinh Hoàng T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Gia Lai, "có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt".

2. Chị Hồ Thị Hồng M, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai, "có mặt".

- *Người làm chứng:*

1. Chị Hồ Thị Bích L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xã X, tỉnh Đồng Nai

2. Chị Bùi Thị Cẩm G, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai

3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986; nơi cư trú: D N, phường L, tỉnh Bình Dương;

4. Anh Trà Văn S1, sinh năm 1994; nơi cư trú: xã P, thành phố Cần Thơ;

5. Anh Mai Văn P, sinh năm 1997; nơi cư trú: Xã X, tỉnh Đồng Nai.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2023, Bùi Vĩnh S, sinh năm 1991 trú tại thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai xem tin tức trên mạng, thấy nhiều vụ việc các đối tượng dùng hình ảnh các cặp đôi quan hệ tình dục tại nhà nghỉ từ camera giấu kín để tống tiền nạn nhân nên để có tiền tiêu xài, Bùi Vĩnh S lên mạng tìm hiểu cách lắp đặt, sử dụng camera rồi mua trên mạng 01 camera với giá hơn 300.000 đồng và chuẩn bị bộ dụng cụ gồm 01 máy khoan cầm tay gắn pin của Trung Quốc màu xanh dương, 01 súng bắn keo nến, 01 cái tua vít cán cao su màu cam, 01 cái kìm cán bọc nhựa dẻo màu xanh, 01 cuộn băng keo đen, tất cả đựng trong 01 túi xách bằng vải rồi S tìm nhà nghỉ để lắp đặt camera rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như sau:

**Vụ thứ nhất:** khoảng giữa đầu tháng 12/2023, S mang theo bộ dụng cụ đến nhà nghỉ T4, thuộc khu phố T, xã T, tỉnh Gia Lai để hỏi thuê phòng. Tại đây, S gắn camera vào trong thân quạt treo tường trong phòng nghỉ. Sau khi lắp đặt, đấu nối với dây điện của quạt xong, S mở điện thoại Samsung Galaxy Note 8 màu đen của mình để cài đặt kết nối camera với ứng dụng Y và mạng wifi của nhà nghỉ rồi S trả phòng ra về. Đến khoảng 05-06 ngày sau, S nhận được thông báo từ ứng dụng Yoosee trên điện thoại S4 8 ghi nhận hình ảnh chuyển động trên camera đã lắp đặt trước đó ở nhà nghỉ T4. S kiểm tra qua hình ảnh camera thì thấy anh Đinh Hoàng T, sinh năm 1986; trú thôn B, xã T, tỉnh Gia Lai và Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991; trú thôn B, xã T, tỉnh Gia Lai quan hệ tình dục với nhau nên S mở chức năng ghi hình màn hình điện thoại, mỗi lần quay khoảng 03-04 phút, tổng cộng S quay được khoảng 03-04 file video rồi lưu trữ trong điện thoại.

Sau khi có được hình ảnh video, S lên mạng tìm hiểu thì biết tài khoản F "Thach Hoang" là của anh T nên khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/12/2023, S sử dụng tài khoản M1, Facebook tên "Si Tình" nhắn tin cho anh T qua M1, Facebook tên "Thach Hoang" gửi kèm theo video anh T và chị T2 đang quan hệ tình dục tại nhà nghỉ T4, yêu cầu anh T chuyển khoản cho S số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) rồi sẽ xóa video, nếu không sẽ tung video của anh T lên mạng xã hội và gửi cho công ty, gia đình, người thân, bạn bè của anh T biết. Anh T sợ bị phát tán video ảnh hưởng đến bản thân, gia đình nên đã nhắn tin trả lời là không có tiền và năn nỉ S xóa video trên nhưng S không đồng ý và yêu cầu anh T chuyển khoản 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Anh T nhắn tin lại nói chỉ có vài triệu đồng trong tài khoản, không đủ số tiền trên thì S hạ yêu cầu xuống 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Sau khi nhắn tin qua lại thì S đồng ý yêu cầu

vài triệu đồng và nói tối ngày 14/12/2023 sẽ gửi số tài khoản qua cho anh T để chuyển khoản tiền. Khoảng 18 giờ 12 phút, ngày 14/12/2023, S nhắn tin gửi tài khoản Ngân hàng TMCP T5 (T6) số 00002532155, mang tên NGUYEN VAN TU đến tài khoản Messenger cho anh T. Đến khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, T sử dụng tài khoản Ngân hàng N3 (A) số 4300215017858, mang tên Đinh Hoàng T của bản thân chuyển tiền vào tài khoản số 00002532155 trên với số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và nhắn tin M1 yêu cầu S xóa các video quay lén trên nhưng S không đồng ý và yêu cầu khi nào chuyển đủ tiền thì sẽ xóa video. Anh T nhắn tin nói tài khoản không còn tiền nữa thì S tiếp tục nhắn tin đe dọa sẽ gửi đoạn các video quay lén trên cho mọi người xem. Thạch sợ hãi nên nhắn tin hẹn khi nào có lương sẽ chuyển khoản. Khoảng 16 giờ ngày 19/12/2023, S nhắn tin cho anh T yêu cầu tối ngày 20/12/2023 chuyển đủ số tiền trên nếu không sẽ gửi đoạn video quay lén trên cho người thân xem. Ngày 20/12/2023, S tiếp tục nhắn tin cho anh T hỏi khi nào chuyển thì T nhắn tin lại chiều cùng ngày sẽ chuyển. Khoảng 16 giờ ngày 20/12/2023, S nhắn tin tài khoản Ngân hàng TMCP N4 (V) số 1040569004, mang tên TRA VAN SON cho T. Đến 16 giờ 14 phút cùng ngày, anh T sử dụng tài khoản số 4300215017858 trên chuyển tiền vào tài khoản số 1040569004 trên số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), rồi nhắn tin yêu cầu S xóa video quay lén trên thì S không đồng ý và yêu cầu chuyển tiếp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì sẽ xóa video. Anh T nhắn tin lại không còn tiền thì S tiếp tục đe dọa gửi video cho người thân anh T xem, còn gửi hình ảnh đã kết bạn, gửi tin nhắn, hình ảnh cho tài khoản Facebook, M1 tên "Lâm Lệ S2" là vợ của anh T rồi thu hồi tin nhắn. Anh T sợ hãi nên nhắn tin lại hẹn tháng sau sẽ chuyển tiếp, còn nếu không đồng ý thì anh T sẽ thú thật với vợ. Sau đó, S tiếp tục nhắn tin cho T nói nếu tháng sau gửi 2.000.000 đồng thì sẽ xóa các đoạn video quay lén trên.

Đến ngày 20/01/2024, S tiếp tục nhắn tin nhắc lại việc anh T đã hứa qua tháng sau khi nhận lương sẽ chuyển tiền trước đó và gửi tài khoản Ngân hàng TMCP S5 (S6) số 050125760047, mang tên MAI VAN PHUC để yêu cầu T chuyển tiền. Vì lo sợ nên anh T tiếp tục sử dụng tài khoản số 4300215017858 trên chuyển đến số tài khoản 050125760047 trên số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, anh T nhắn tin cho S nói đây là lần cuối cùng, yêu cầu S giữ lời hứa, đừng làm phiền nữa thì S đồng ý, không phản hồi gì. Vì không muốn kéo dài, sợ bị phát hiện, tố giác với cơ quan chức năng nên sau khi nhận số tiền trên thì S đã xóa hết các đoạn video quay lén trên, không còn lưu giữ và không liên lạc với T nữa.

**Vụ thứ hai:** Vào khoảng tháng 12/2023, Bùi Vĩnh S đem bộ dụng cụ đến nhà nghỉ D thuộc khu vực H, phường A, tỉnh Gia Lai thuê phòng 202 và lắp đặt camera vào bên dưới của quạt thông gió trên ô tường. Đến ngày 20/12/2023, S đang ở nhà thì nhận được thông báo từ ứng dụng Yoosee có ghi nhận hình ảnh chuyển động trên camera đã lắp đặt trước đó ở nhà nghỉ Dũng N1 nên S dùng điện thoại S4 kiểm tra, phát hiện anh Châu Hoàng Đ, sinh năm 1983 trú: thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai và chị Hồ Thị Hồng M, sinh năm 1981 trú thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai đang quan hệ tình dục với nhau. Thấy vậy, bị can S liền mở chức năng ghi lại hình

ảnh màn hình điện thoại bằng video, mỗi lần quay khoảng 30 giây - 04 phút thì ngắt, S quay được 02 file video rồi lưu trữ trong điện thoại. Sau khi có được hình ảnh, S thấy hai người chuẩn bị ra nên S đi đến trước nhà nghỉ Dũng N1 đứng chờ. Khoảng 15 phút sau, bị can S thấy chị M điều khiển xe mô tô đi ra trước, bị can S để ý và nhớ biển số xe của chị M. Sau đó, S lên mạng tìm kiếm cách để tra thông tin biển số xe và biết được số điện thoại chủ sở hữu của biển số xe mô tô là chị Hồ Thị Hồng M. Thấy là dân địa phương nên S sử dụng tài khoản Facebook ảo tên "Trang N2" tìm kiếm được Facebook của chị M và kết bạn để nhắn tin. S gửi 02 video quay lén cảnh quan hệ tình dục của chị M và anh Đ tại nhà nghỉ Dũng N1 đến tài khoản Messenger này. Tiếp đó, S sử dụng 01 (một) điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Mini, vỏ nhựa màu xanh, lắp sim rác mạng 0584296858 và dùng tính năng thay đổi giọng nói thành giọng nữ, rồi gọi điện thoại đến số điện thoại chị M. S đe dọa, uy hiếp chị M phải chuyển khoản cho S số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nếu không S sẽ phát tán, gửi hình ảnh, video cho người quen của chị M. S tiếp tục sử dụng điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Mini, vỏ nhựa màu xanh, tháo sim rác mạng 0584296858 và lắp sim rác 0796095620, dùng tính năng thay đổi giọng nói thành giọng B, rồi tiếp tục gọi điện thoại cho chị M để đe dọa, uy hiếp buộc chị M chuyển tiền. S nhắn tin đe dọa chị M và nhắn tin số tài khoản thuộc ngân hàng T7, số A, tên "Pham Thi T3". Tuy nhiên, chị M không chuyển tiền cho S nên S tìm được vào trang Facebook của chị M thì tìm được thông tin của chị Hồ Thị Bích L, sinh năm 1990; trú: Ấp G, xã S, huyện X, thành phố Đ, nay là xã X, thành phố Đ, em ruột chị M) có số điện thoại 0934816714 và F1 "Lưu Hồ". S mới sử dụng số điện thoại 0584296858 gọi điện thoại 0934816714 mục đích đe dọa, buộc chị M chuyển tiền. S mới sử dụng Facebook tên "Trang N2" gửi 02 hình ảnh và 02 video qua tài khoản Facebook "Lưu Hồ" của chị L1. Sau đó, chị L1 gửi lại cho chị M để thông báo cho chị M biết bị người khác quay video trong nhà nghỉ. Sau khi đe dọa, tống tiền chị M nhưng không được nên S đã xóa các hình ảnh, video khỏi tất cả các điện thoại, tài khoản mạng xã hội hiện không còn lưu trữ.

Ngoài 02 lần chiếm đoạt tài sản trên, S còn thực hiện 02 lần gắn camera tại phòng ngủ nhà nghỉ T4 và nhà nghỉ Dũng N1 mục đích quay lén cảnh quan hệ tình dục của các cặp nam nữ đến thuê phòng để sử dụng đe dọa, uy hiếp chiếm đoạt tài sản nhưng do tín hiệu Wifi yếu, camera bị hư nên không thực hiện được hành vi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G thu giữ các tài sản như sau:

- Thu giữ của Bùi Vĩnh S:

+ 01 máy khoan cầm tay loại gắn pin của Trung Quốc, màu xanh dương;

+ 01 súng bắn keo nến;

+ 01 cái tua vít cán cao su màu đen cam;

+ 01 cái kìm cán bọc nhựa dẻo màu xanh;

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu S4, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Mini, vỏ nhựa màu xanh, đã qua sử dụng;

- Thu giữ tại Nhà nghỉ T4: 01 (một) quạt treo tường hiệu Senko, góc đế quạt bên phải cạnh dây kéo SWING của quạt treo tường có khuyết hỏng mảnh nhựa diện 0,6x1cm, (bị cáo Bùi Vĩnh S lắp đặt camera quay lén bên trong).

- 01 (Một) thẻ nhớ màu đỏ-xám, dung lượng 8GB, trên thân có ghi chữ "SanDisk Ultra 8GB" do Hồ Thị Hồng M, sinh năm 1981, trú thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai.

Đối với 01 chiếc camera, S đã sử dụng để quay lén cảnh quan hệ tình dục tại Nhà nghỉ T4 rồi tiếp tục lắp đặt tại Nhà nghỉ D, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm tại Nhà nghỉ D nhưng không thu giữ được.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6, màu trắng bị cáo S sử dụng, sau đó đã bị hư hỏng, S đã vứt bỏ nên không thu giữ được.

Ngày 06/05/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) có Quyết định trưng cầu giám định số 766 về việc trưng cầu giám định 01 thẻ nhớ màu đỏ-xám, dung lượng 8GB, trên thân có ghi chữ "SanDisk Ultra 8GB. Ngày 06/6/2024, Phòng PC09 Công an tỉnh B (cũ) kết luận không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 08 (tám) file video.

Ngày 03/6/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G có Quyết định trưng cầu giám định số 4280 về việc trưng cầu giám định 02 điện thoại thu giữ từ S. Ngày 09/6/2026, Phòng K Công an tỉnh G, kết quả:

- Không tìm thấy dữ liệu đã xóa được phục hồi như trưng cầu trong điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, đã qua sử dụng.

- Điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Mini, vỏ nhựa màu xanh, đã qua sử dụng, bên trong không có pin (bị hỏng không khởi động được) và từ chối giám định.

Về dân sự: Anh Đinh Hoàng T yêu cầu bồi thường số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Gia đình S đã bồi thường cho anh T, anh T không yêu cầu gì khác. Chị Hồ Thị Hồng M yêu cầu bồi thường với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Gia đình S đã bồi thường cho chị M, chị M không yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 60/CT-VKSKV2 ngày 15/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Bùi Vĩnh S về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Vĩnh S về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị

cáo Bùi Vĩnh S từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu ) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 máy khoan cầm tay loại gắn pin của Trung Quốc, màu xanh dương; 01 súng bắn keo nến; 01 cái tua vít cán cao su màu đen cam; 01 cái kìm cán bọc nhựa dẻo màu xanh;

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu S4, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Mini, vỏ nhựa màu xanh, đã qua sử dụng;

- Tuyên trả cho chủ nhà nghỉ T4: 01 (một) quạt treo tường hiệu Senko, góc đế quạt bên phải cạnh dây kéo SWING của quạt treo tường có khuyết hỏng mảnh nhựa diện 0,6x1cm.

- Lưu vào hồ sơ vụ án 01 (Một) thẻ nhớ màu đỏ-xám, dung lượng 8GB, trên thân có ghi chữ "SanDisk Ultra 8GB" do chị Hồ Thị Hồng M, sinh năm 1981, trú thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai giao nộp.

Tại phiên tòa bị cáo và bị hại thống nhất nội dung Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị hại Đinh Hoàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; và những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy lời khai của họ đã được thu thập đầy đủ trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị hại, những người làm chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 13/12/2023 đến ngày 20/01/2024, Bùi Vĩnh S chuẩn bị bộ dụng cụ gồm 01 camera, 01 máy khoan cầm tay gắn pin, 01 súng bắn keo nến, 01 cái tua vít cán cao su, 01 cái kìm, 01 cuộn băng keo rồi vào nhà nghỉ T4, thuộc khu phố T, xã T, tỉnh Gia Lai và nhà nghỉ D thuộc khu vực H, phường A, tỉnh Gia Lai thuê phòng rồi gắn camera quay lại video cảnh quan hệ tình dục giữa anh Đinh Hoàng T và chị Nguyễn Thị T2; anh Châu Hoàng Đ và chị Hồ Thị Hồng M nhằm gây áp lực để chiếm đoạt số tiền 7.500.000 đồng của anh Đinh Hoàng T và 30.000.000 đồng của chị Hồ Thị Hồng M, tổng trị giá tài sản mà Bùi Vĩnh S nhằm chiếm đoạt là 37.500.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội nhằm có tác dụng đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 13/12/2023 đến ngày 20/01/2024, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; đồng thời đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng …". Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

[8.1] Đối với 01 máy khoan cầm tay loại gắn pin của Trung Quốc, màu xanh dương; 01 súng bắn keo nến; 01 cái tua vít cán cao su màu đen cam; 01 cái kìm cán bọc nhựa dẻo màu xanh là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng, nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Đối với 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu S4, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Mini, vỏ nhựa màu xanh, đã qua sử dụng là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng, nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[8.3] Đối với 01 (một) quạt treo tường hiệu Senko, góc đế quạt bên phải cạnh dây kéo SWING của quạt treo tường có khuyết hỏng mảnh nhựa diện 0,6x1cm, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chủ nhà nghỉ T4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả lại cho chủ nhà nghỉ T4.

[8.4] Đối với 01 (Một) thẻ nhớ màu đỏ-xám, dung lượng 8GB, trên thân có ghi chữ "SanDisk Ultra 8GB" do chị Hồ Thị Hồng M, sinh năm 1981, trú thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai giao nộp có nội dung liên quan đến vụ án, nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các vấn đề khác:

[10.1] Đối với Nguyễn Văn T1 chủ tài khoản số số 00002532155 của Ngân hàng TMCP T5 (T6) và Trà Văn S1: chủ tài khoản số 1040569004 của Ngân hàng TMCP N4 (V) nhưng T1, S1 xác định không bán, cho mượn, thuê và cũng không trực tiếp sử dụng các tài khoản ngân hàng, ví Momo đứng tên để nhận, chuyển khoản, sử dụng, tiêu thụ các khoản tiền của S1. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn T1 và Trà Văn S1 là có căn cứ..

[10.2] Đối với Bùi Thị Cẩm G và Mai Văn P, được S1 nhờ cho mượn số tài khoản ngân hàng để nhận tiền chuyển khoản số tiền 7.500.000 đồng mà S1 chiếm đoạt của anh T, rồi chuyển khoản theo yêu cầu của S1. Tuy nhiên, G và P đều không biết tiền này do S1 phạm tội mà có và cũng không bàn bạc, thỏa thuận, giúp sức cho S1 trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Bùi Thị Cẩm G và Mai Văn P là có căn cứ.

[10.3] Đối với Tô Thành S3 là người được Bùi Thị Cẩm G chuyển khoản số tiền 7.500.000 đồng của S1 nhờ nhận giúp và nhờ rút tiền mặt đưa giúp cho S1. Tuy nhiên, khi nhận tiền và rút tiền mặt đưa cho S1 thì S3 hoàn toàn không biết đó là tiền do phạm tội mà có, hoàn toàn không bàn bạc, thỏa thuận, giúp sức cho S1

trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Tô Thành S3 là có căn cứ.

[10.4] Đối với hành vi S1 gửi video clip, hình ảnh cho chị Hồ Thị Bích L1 nhưng không thu giữ được, không có hình ảnh giám định nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với S1 về hành vi truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy là có căn cứ.

[11] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên, đề nghị mức hình phạt là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Vĩnh S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Vĩnh S 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2025.

3. Về vật chứng vụ án:

3.1 Tịch thu tiêu hủy 01 máy khoan cầm tay loại gắn pin của Trung Quốc, màu xanh dương; 01 súng bắn keo nến; 01 cái tua vít cán cao su màu đen cam; 01 cái kìm cán bọc nhựa dẻo màu xanh;

3.2 Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu S4, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Mini, vỏ nhựa màu xanh, đã qua sử dụng;

3.3 Tuyên trả lại 01 (một) quạt treo tường hiệu Senko, góc đế quạt bên phải cạnh dây kéo SWING của quạt treo tường có khuyết hỏng mảnh nhựa diện 0,6x1cm, cho chủ sở hữu hợp pháp là nhà nghỉ T4.

3.4. Lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) thẻ nhớ màu đỏ - xám, dung lượng 8GB, trên thân có ghi chữ "SanDisk Ultra 8GB".

(Vật chứng vụ án hiện do Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh G đang lưu giữ tại kho vật chứng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Vĩnh S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 2, Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- CQTHAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2, Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai Phương**